

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THANH KHÊ – TP. ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **51/2024/HS-ST**

Ngày: **05 -04-2024**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Ánh

Các Hội thẩm nhân dân: + Ông Trần Trung Nam
+ Bà Nguyễn Thị Hồng

Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Công Hồng Lĩnh

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Lê Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 04 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 09/2024/TLST-HS ngày 25 tháng 01 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2024/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 02 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 09A/2024/HSST – QĐ ngày 05 tháng 03 năm 2024; Thông báo mở lại phiên tòa số 09.1/2024/TB-TA ngày 21 tháng 3 năm 2024 đối với các bị cáo:

1/ Lê Văn H, tên gọi khác: Không, sinh ngày 19 tháng 10 năm 1971 tại Đà Nẵng; nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Tổ A, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: Lao động phổ thông; trình độ văn hóa: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Văn X (chết) và bà Nguyễn Thị M (chết).

Tiền án: Không

Tiền sự: Không

Nhân thân:

+ Ngày 11/10/2001, UBND thành phố Đ ra Quyết định số: 6224 tập trung vào Trung tâm G thời gian 15 tháng.

+ Ngày 17/7/2003, UBND thành phố Đ ra Quyết định số: 4377 tập trung vào Trung tâm Giáo dục dạy nghề 05-06 thời gian 24 tháng.

+ Bản án số: 23 ngày 15/4/1994 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam-Đà Nẵng, áp dụng khoản 1 Điều 155 BLHS năm 1985, xử phạt H 01 năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản của công dân*”.

+ Bản án số: 54/HSST/1995 ngày 03/4/1995 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam-Đà Nẵng, áp dụng khoản 1 Điều 155 BLHS năm 1985, xử phạt H 06 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản của công dân*”.

+ Bản án số: 102/2007/HSPT ngày 30/7/2007 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194 BLHS năm 1999, xử phạt H 10 năm tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

+ Bản án số: 10/2016/HSST ngày 29/02/2016 của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng, áp dụng điểm c khoản 2 Điều 138 BLHS năm 1999, xử phạt H 36 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Bị cáo Lê Văn H bị bắt quả tang tạm giữ ngày 28/6/2023, tạm giam từ ngày 07/7/2023, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an quận T (*Có mặt tại phiên toà*).

2/ Nguyễn Thị Sơn N, tên gọi khác: Không, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1971 tại Đà Nẵng; nơi ĐKKHKT: Tổ D, P. V, Q. T, thành phố Đà Nẵng; chỗ ở : Tổ A, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: Lao động phổ thông; trình độ văn hóa: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: N (chết) và bà Võ Thị T (sinh năm: 1945).

Nhân thân:

+ Ngày 12/6/2003, UBND thành phố Đ ra Quyết định số: 3605 tập trung vào Trung tâm Giáo dục dạy nghề 05-06 thời gian 24 tháng.

+ Ngày 21/7/2008, UBND thành phố Đ ra Quyết định số: 5837 tập trung vào Trung tâm Giáo dục dạy nghề 05-06 thời gian 24 tháng.

+ Ngày 05/12/2011, UBND thành phố Đ ra Quyết định số: 10437 tập trung vào Trung tâm Giáo dục dạy nghề 05-06 thời gian 12 tháng.

+ Ngày 28/7/1995, Toà án nhân dân tỉnh Thanh Hoá xử phạt Nữ 04 tháng tù giam về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

+ Bản án số: 01/HSST ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, áp dụng điểm b khoản 2 Điều 250 BLHS năm 1999, xử phạt Nữ 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

+ Bản án số: 39/2016/HSST ngày 17/5/2016 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, áp dụng khoản 1 Điều 138 BLHS năm 1999, xử phạt N 09 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

+ Ngày 08/8/2023, Công an quận T, thành phố Đà Nẵng ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 102/QĐ-XPHC đối với Nguyễn Thị Sơn N về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Bị cáo Nguyễn Thị Sơn N bị bắt quả tang ngày 28/6/2023, tạm giam từ ngày 07/7/2023, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an quận T (*Có mặt tại phiên toà*).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ Anh Lê T1, sinh năm: 1987; Địa chỉ: Tổ C phường X, quận T, thành phố Đà Nẵng; Vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Hải N1, sinh năm: 1990; Địa chỉ: Tổ E phường X, quận T, thành phố Đà Nẵng; Vắng mặt.

- *Người chứng kiến:*

+ Bà Nguyễn Thị Kim T2, sinh năm: 1954; Địa chỉ: Tổ A phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng; Vắng mặt.

+ Bà Lê Thị Bạch N2, sinh năm: 1967; Địa chỉ: Tổ A phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng; Có mặt.

+ Anh Phạm Việt Anh C, sinh năm: 1984; Địa chỉ: Tổ A phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng; Vắng mặt.

+ Em Nguyễn Văn H1, sinh năm: 2006; Địa chỉ: Tổ A phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ 15 phút ngày 28/6/2023, Lê T1 sử dụng số điện thoại 0935464925 liên hệ đến số điện thoại 0935941409 của Lê Văn H hỏi mua 700.000 đồng ma túy đá thì Hòa đồng ý bán và hẹn giao ma túy tại quán nước mía của H ở trước nhà số C L, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng. T1 điều khiển xe mô tô BKS: 43K5-6339 đi một mình đến quán nước mía trên thì H nói đứng đợi. Sau đó, Nguyễn Thị Sơn N đi bộ từ nhà ra đứng gần H để chuẩn bị bán ma túy cho T1 thì bị Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an quận T phát hiện, bắt quả tang. Thu giữ dưới nền đường ngay vị trí Nữ đứng có 01 gói nylon kích thước (2,5x2,5)cm chứa chất tinh thể màu trắng, được niêm phong ký hiệu G và các tang vật khác có liên quan.

Tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của H và Nữ tại K L, phường T, quận T, thu giữ tại vị trí thùng giấy ở tầng trệt giữa nhà: 01 gói nylon kích thước (7,5x4)cm chứa chất tinh thể màu trắng, được niêm phong ký hiệu G1; Thu trên giường ngủ ở

tầng trệt 01 gói nylon kích thước (7,5x4)cm chứa chất tinh thể màu trắng, được niêm phong ký hiệu G2 và 01 bình nhựa có gắn 01 ống hút nhựa và 01 nỏ thủy tinh.

Lê T1 khai nhận đã nhiều lần mua ma túy đá của Lê Văn H và Nguyễn Thị Sơn N (*khoảng 10 lần*) tại nhà của H địa chỉ K309/01 L hoặc tại quán nước mía trước nhà số C L, riêng trong ngày 28/6/2023, T1 đã 02 lần mua ma túy của H và sử dụng hết ma túy. Trong các lần mua ma túy, T1 gọi điện thoại cho H và đến đưa tiền, nhận ma túy trực tiếp, ngoài ra có 06 lần T1 sử dụng ứng dụng Ví MoMo chuyển khoản tiền mua ma túy đến số tài khoản Ngân hàng do H cung cấp. H và N thay phiên nhau chỉ chỗ lấy ma túy đá ở trước kiệt nhà hoặc trụ điện trước quán nước mía của H.

Lê Văn H khai nhận: Điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 plus màu trắng gắn sim số: 0935.941.409 thuộc sở hữu của H và số tài khoản ngân hàng số: 1023080898 mở tại Ngân hàng TMCP N4 (V) do H đăng ký và sử dụng. Lê T1 có 06 lần chuyển khoản tiền cho H, nhưng H không thừa nhận việc T1 chuyển khoản cho H để mua ma túy. Số ma túy thu giữ tại hiện trường và khám xét tại nhà, H không nhận là ma túy của H dùng để bán và không biết ma túy này là của ai. Lê Văn H không khai nhận việc bán ma túy cho Lê T1.

Qua điều tra, ban đầu Nguyễn Thị Sơn N không khai nhận hành vi mua bán trái phép chất ma túy nhưng sau đó N khai nhận: Cách ngày bị bắt khoảng 05 ngày, N gặp và mua của một người tên C1 (*chưa rõ nhân thân, lai lịch*) 1.800.000 đồng ma túy đá. C1 đồng ý và bán cho N 01 gói ma túy đá. Nữ đem gói ma túy đá về cất giấu trong thùng giấy ở tầng trệt giữa nhà, 02 ngày sau N lấy một ít ma túy đá ra sử dụng rồi để 01 gói nhỏ trên giường ngủ của H và N. Đến khoảng 21 giờ 15 phút ngày 28/6/2023, do có nhu cầu sử dụng ma túy, N lấy một ít ma túy từ gói nhỏ cất ở giường ngủ, cho vào 01 gói nylon rồi cất vào trong túi quần bên trái N đang mặc cùng với 01 gói thuốc lá hiệu Young Star và 01 tờ tiền mệnh giá 5.000 đồng. Nữ đi bộ từ nhà ra quán nước mía của H và N trước nhà số C L, thành phố Đà Nẵng thì bị Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an quận T bắt giữ, do hoảng sợ N lấy gói ma túy trong túi quần vứt xuống nền đường.

Tiến hành kiểm tra điện thoại di động hiệu Iphone 6 plus, gắn sim số: 0935941409 của Lê Văn H thì H có lưu số điện thoại 0935.464.925 của Lê T1 với tên N3. Trong nhật ký cuộc gọi thể hiện T1 gọi cho H vào lúc 21 giờ 13 phút ngày 28/6/2023, trước đó T1 cũng có gọi cho H nhiều lần. Do đó, mặc dù Lê Văn H và Nguyễn Thị Sơn N không khai nhận hành vi mua bán trái phép chất ma túy nhưng căn cứ kết quả tra cứu số điện thoại H liên lạc với T1 và số tài khoản Ngân hàng T1 chuyển tiền cho H đều do H đứng tên đăng ký; theo lịch sử cuộc gọi thì H và T1 nhiều lần liên lạc qua điện thoại với nhau. Theo kết quả sao kê giao dịch từ số tài

khoản 1023080898 của H tại V thể hiện T1 đã chuyển khoản 06 lần để mua ma túy của H và N, cụ thể:

- Vào ngày 02/6/2023, T1 chuyển khoản số tiền 200.000 đồng cho Lê Văn H để mua ma túy.

- Vào các ngày 05/6/2023, 07/6/2023, 21/6/2023, 24/6/2023 và 28/6/2023, T1 chuyển khoản số tiền 300.000 đồng cho Lê Văn H để mua ma túy.

Ngoài ra, tại thời điểm bắt quả tang thu giữ của T1 700.000 đồng, đây là số tiền T1 dùng để mua ma túy của H, N nhưng chưa kịp giao tiền và nhận ma túy thì bị bắt. Do đó, có đủ cơ sở xác định Lê Văn H và Nguyễn Thị Sơn N có 07 lần bán trái phép ma túy cho Lê T1. Ngoài 06 lần T1 mua ma túy trả tiền bằng hình thức chuyển khoản và lần bị bắt quả tang thì T1 còn khai nhận đến nhà hoặc quán nước mía của H, N để mua ma túy, thanh toán bằng tiền mặt. Tuy nhiên, quá trình điều tra chỉ có duy nhất lời khai của T1, không có các chứng cứ khác, đồng thời H và N không thừa nhận nên không đủ cơ sở kết luận.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận T triệu tập đối tượng Nguyễn Hải N1 để tiến hành làm việc. N1 khai nhận đã 02 lần mua ma túy của H và N, cụ thể: Lần thứ nhất vào tối ngày 15/6/2023, N1 đến nhà của H để mua 300.000 đồng ma túy đá, H là người đưa ma túy; lần thứ hai vào khoảng trưa ngày 20/6/2023, N1 đến nhà H mua ma túy thì gặp N, đưa cho N 300.000 đồng, N chỉ H ra đầu kiệt để lấy ma túy. Tuy nhiên, H, N không thừa nhận hành vi bán trái phép ma túy cho N1; ngoài lời khai của N1, không có các chứng cứ khác để chứng minh nên không đủ cơ sở kết luận H, N bán trái phép ma túy cho N1.

Tại Bản Kết luận giám định của Phòng K Công an thành phố Đ kết luận: Tinh thể màu trắng trong bì niêm phong ký hiệu G, G1, G2 gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine; khối lượng mẫu G: 0,472 gam, G1: 2,033 gam, G2: 0,275 gam.

Kết quả thử test nước tiểu: Lê Văn H và Nguyễn Hải N1 âm tính với chất ma túy, Nguyễn Thị Sơn N và Lê T1 dương tính với chất ma túy.

Vật chứng tạm giữ:

+ 01 gói nylon kích thước (2,5 x 2,5)cm chứa tinh thể màu trắng, được bỏ vào bì niêm phong ký hiệu G; 01 gói nylon kích thước (7,5 x 4)cm chứa tinh thể màu trắng, được bỏ vào bì niêm phong ký hiệu G1; 01 gói nylon kích thước (7,5 x 4)cm chứa tinh thể màu trắng, được bỏ vào bì niêm phong ký hiệu G2 (đã được hoàn trả sau giám định trong 03 phong bì niêm phong).

+ 01 bao thuốc lá nhãn hiệu Young Star màu trắng bên trong có 10 điếu thuốc và 01 tờ tiền mệnh giá 5.000 đồng, được bỏ vào bì niêm phong.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A7 màu xanh, số IMEI 1: 353465100109113, số IMEI 2: 353466100109111, gắn sim số: 0935464925 và 0867013884, thu giữ của Lê T1, dùng để liên lạc mua ma túy.

+ Số tiền 700.000 đồng thu giữ của T1, sử dụng để mua ma túy của H và N. + 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 plus màu trắng, số IMEI: 354454064783070, gắn sim số: 0935941409, thu giữ của Lê Văn H, dùng để liên lạc bán ma túy.

+ 01 bình nhựa có gắn 01 ống hút nhựa và 01 nỏ thủy tinh.

Tại cáo trạng số 159/CT-VKS ngày 22 tháng 11 năm 2023 của Viện Kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng đã truy tố bị cáo Lê Văn H và Nguyễn Thị Sơn N theo điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố nhà nước giữ nguyên quan điểm đã truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào tính chất vụ án, nhân thân, mức độ do hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ra, đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Tuyên bố bị cáo Lê Văn H phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” đề nghị áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 251, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo Lê Văn H mức án **10 – 11 năm** tù; khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo H là 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*).

+ Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Sơn N phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” đề nghị áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Sơn N mức án **09 – 10 năm** tù; khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo N là 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*).

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tuyên:

Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 gói nylon kích thước (2,5 x 2,5)cm chứa tinh thể màu trắng, được bỏ vào bì niêm phong ký hiệu G; 01 gói nylon kích thước (7,5 x 4)cm chứa tinh thể màu trắng, được bỏ vào bì niêm phong ký hiệu G1; 01 gói nylon kích thước (7,5 x 4)cm chứa tinh thể màu trắng, được bỏ vào bì niêm phong ký hiệu G2 (*đã được hoàn trả sau giám định trong 03 phong bì niêm phong*).

+ 01 bao thuốc lá nhãn hiệu Young Star màu trắng bên trong có 10 điếu thuốc được bỏ vào bì niêm phong.

+ 01 bình nhựa có gắn 01 ống hút nhựa và 01 nỏ thủy tinh.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước:

+ 01 tờ tiền mệnh giá 5.000 đồng,

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A7 màu xanh, số IMEI 1: 353465100109113, số IMEI 2: 353466100109111, gắn sim số: 0935464925 và 0867013884, thu giữ của Lê T1, dùng để liên lạc mua ma túy.

+ Số tiền 700.000 đồng thu giữ của T1, sử dụng để mua ma túy của H và N.
+ 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 plus màu trắng, số IMEI: 354454064783070, gắn sim số: 0935941409, thu giữ của Lê Văn H, dùng để liên lạc bán ma túy.

Tại phiên tòa, các bị cáo nói lời sau cùng:

Bị cáo Lê Văn H xin Hội đồng xét xử xem xét hành vi của bị cáo là không phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Bị cáo Nguyễn Thị Sơn N thừa nhận có tàng trữ trái phép chất ma túy nhưng bị cáo cho rằng không mua bán trái phép chất ma túy.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, Kiểm sát viên đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Lê Văn H và Nguyễn Thị Sơn N không khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận của các bị cáo quanh co, chối tội nhưng căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu mà cơ quan điều tra đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận:

Trong các ngày 21/6/2023, 24/6/2023, 28/6/2023, Lê Văn H có sử dụng số điện thoại 0935941409 của mình để liên lạc với Lê T1 qua số điện thoại 0935.464.925 mục đích bán trái phép chất ma túy, cùng vào các ngày nêu trên thì số tài khoản 1023080898 của H mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần N4 có nhận tiền chuyển khoản từ Ví MoMo của Lê T1 với các số tiền lần lượt là vào các ngày **21/6/2023** là 150.000 đồng và 300.000 đồng; ngày **24/6/2023**: 300.000 đồng và 90.000 đồng; ngày **28/6/2023**: 300.000 đồng. Mặc dù Lê Văn H quanh co, chối tội nhưng xét về khối lượng ma túy được khám xét tại nhà của H và N là 2,308 gam ma túy Methamphetamine là cùng chất với khối lượng ma túy mà H và N bị bắt quả tang vào ngày 28/6/2023: 0,472 gam ma túy, loại Methamphetamine. Đồng thời, theo lịch

sử cuộc gọi được tra cứu thì vào lúc 21:13:47 ngày 28/6/2023 Lê T1 có gọi điện cho Lê Văn H, đến lúc khoảng 21:15 phút cùng ngày thì H, N bị bắt quả tang có ma túy chuẩn bị bán cho T1 tại quán nước mía trước số nhà K L, xét về tính khách quan và logic thì lời khai của Lê T1 tại bút lục số 175, 176 phù hợp với các tài liệu chứng cứ nêu trên thì Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận Lê Văn H đã 04 lần mua bán trái phép chất ma túy cho Lê T1. Ngoài ra, còn có các nguồn tiền khác được T1 chuyển vào tài khoản của H vào các ngày 01/6/2023; 02/6/2023; 05/6/2023; 06/6/2023; 07/6/2023 là tiền T1 khai mua nước mía, tiền nợ riêng và tiền mua ma túy nhưng theo chi tiết dữ liệu online của Công ty cổ phần D cung cấp thì không phát sinh cuộc gọi của T1 và H trong các ngày nêu trên nên Hội đồng xét xử không đủ cơ sở xem xét trách nhiệm của Lê Văn H đối với các số tiền này.

Nguyễn Thị Sơn N có 03 lần là đồng phạm của Lê Văn H về việc mua bán trái phép ma túy cho Lê T1, trong đó có 02 lần Nữ trực tiếp chỉ địa điểm để T1 lấy ma túy và 01 lần bị bắt quả tang vào ngày 28/6/2023. Mặc dù N không nhận tội nhưng N thừa nhận số ma túy bị bắt quả tang là của Nữ nên Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận số ma túy mà H bán cho T1 cũng là số ma túy Nữ tàng trữ tại nhà, điều này phù hợp với lời khai của N là cách khoảng 05 ngày trước khi bị bắt thì N có mua ma túy của người đàn ông không rõ nhân thân lai lịch. Bên cạnh đó, tại bút lục số 148 của hồ sơ vụ án Nữ có khai nhận rằng “*nếu ai khai nhận mua ma túy của tôi thì tôi nhận*”.

Từ những phân tích, đánh giá nêu trên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận tổng khối lượng ma túy của H và N tàng trữ nhằm mục đích bán bị thu giữ là 2,78 gam ma túy, loại Methamphetamine, trong đó H mua bán 04 lần, N mua bán 03 lần. Như vậy, cáo trạng số 159/CT-VKS ngày 22 tháng 11 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng đã truy tố bị cáo Lê Văn H và Nguyễn Thị Sơn N về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất vụ án, hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo thì thấy:

Trong vụ án này, các bị cáo đều nhận thức được tác hại của ma túy đối với con người, kinh tế, xã hội, nhận thức rõ hành vi mua bán ma túy là bị pháp luật nghiêm cấm. Tuy nhiên, do muốn kiếm tiền bằng con đường bất chính nên dẫn đến mua và bán ma túy để kiếm lời. Hành vi của các bị cáo là rất nghiêm trọng, là đồng phạm giản đơn, vi phạm chế độ độc quyền quản lý chất ma túy của nhà nước; làm gia tăng tình hình tội phạm tại địa phương, ảnh hưởng xấu đến nhiều mặt của đời sống xã hội. Hội đồng xét xử xét thấy: Cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một

thời gian nhất định mới đủ để răn đe, giáo dục các bị cáo sớm trở thành một công dân tốt cho gia đình và xã hội, làm gương cho những người có ý định phạm tội.

Xét vai trò của từng bị cáo:

Đối với bị cáo Lê Văn H: Trong vụ án này, bị cáo đã có nhiều lần nhận tiền từ việc bán ma túy cho Lê T1 thông qua số tài khoản 1023080898 mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần N4, số lượng ma túy bị bắt quả tang và số lượng ma túy bị thu giữ tại nhà cùng là Methamphetamine với tổng khối lượng là nhằm mục đích mua bán là 2,78 gam. Bản thân bị cáo nhân thân xấu đã nhiều lần bị xét xử qua các bản án vào năm 1994, 1995, 2007 và 2016. Do đó, cần thiết phải xử bị cáo với mức án nghiêm khắc hơn so với các bị cáo N.

Đối với bị cáo Nguyễn Thị Sơn N: Bị cáo có vai trò là tích cực trong vụ án, bị cáo có 02 lần chỉ địa điểm cho con nghiện lấy ma túy và cũng tham gia trực tiếp vào việc bán ma túy vào ngày 28/6/2023 cho Lê T1. Ngoài ra, bị cáo còn khai nhận có mua ma túy 1.800.000 đồng ma túy đá từ 01 người đàn ông tên C1 chưa rõ nhân thân, lai lịch. Bị cáo là nữ, là vợ của bị cáo H nhưng lại không khuyên ngăn bị cáo H mà đã thuận theo ý của H để bước vào con đường phạm tội. Bị cáo không có tiền án, tiền sự nhưng có nhân thân xấu, vào các năm 1995, 2001 và 2016 đã bị nhiều Tòa án xét xử về hành vi phạm tội. Do đó, bị cáo phải chịu mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của mình.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng:

+ *Đối với bị cáo Lê Văn H:* Tại Biên bản xác minh bút lục số 75 của hồ sơ vụ án xác định qua rà soát hồ sơ thi hành án tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu thì không có hồ sơ thi hành án hình sự đối với bản án số 23/HSPT ngày 15/4/1994 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam – Đà Nẵng nên áp dụng tình tiết có lợi cho bị cáo Hội đồng xét xử xác định bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

+ *Đối với Nguyễn Thị Sơn N:* Không có.

- *Về tình tiết giảm nhẹ:* Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Lê Văn H và Nguyễn Thị Sơn N chối tội, không thừa nhận hành vi nên không được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy, các bị cáo là những người lao động phổ thông thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 251 của Bộ luật Hình sự đối với cả hai bị cáo H và N.

[6] Về xử lý vật chứng: Hội đồng xét xử áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự để giải quyết:

+ 01 gói nylon kích thước (2,5 x 2,5) cm chứa tinh thể màu trắng, được bỏ vào bì niêm phong ký hiệu G; 01 gói nylon kích thước (7,5 x 4)cm chứa tinh thể

màu trắng, được bỏ vào bì niêm phong ký hiệu G1; 01 gói nylon kích thước (7,5 x 4) cm chứa tinh thể màu trắng, được bỏ vào bì niêm phong ký hiệu G2 (*đã được hoàn trả sau giám định trong 03 phong bì niêm phong*) là vật thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành nên tịch thu tiêu hủy.

+ 01 bao thuốc lá nhãn hiệu Young Star màu trắng bên trong có 10 điếu thuốc được bỏ vào bì niêm phong là vật không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

+ 01 bình nhựa có gắn 01 ống hút nhựa và 01 nỏ thủy tinh là vật không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy;

+ 01 tờ tiền mệnh giá 5.000 đồng của bị cáo N có giá trị sử dụng nên tịch thu sung vào Ngân sách nhà nước.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A7 màu xanh, số IMEI 1: 353465100109113, số IMEI 2: 353466100109111, gắn sim số: 0935464925 và 0867013884, thu giữ của Lê T1, dùng để liên lạc mua ma túy nên tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước.

+ Số tiền 700.000 đồng thu giữ của T1, sử dụng để mua ma túy của H và N nên tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước. + 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 plus màu trắng, số IMEI: 354454064783070, gắn sim số: 0935941409, thu giữ của Lê Văn H, dùng để liên lạc bán ma túy nên tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước.

[7] Đối với Nguyễn Hải N1 trước đó đã 02 lần có hành vi mua ma túy của Lê Văn H và Nguyễn Thị Sơn N nhưng đã sử dụng hết, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận T không có căn cứ về định lượng để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với N1 về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” quy định tại Điều 249 Bộ luật Hình sự.

[8] Đối với Lê T1 có hành vi liên hệ với H nhằm mục đích mua ma túy của H và N; tuy nhiên do T1 chưa giao tiền và nhận ma túy nên hành vi của T1 chưa cấu thành tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo Điều 249 Bộ luật Hình sự. Đối với những lần T1 mua ma túy trước đó của H và N nhằm mục đích sử dụng và đã sử dụng hết; do không thu giữ được ma túy và không xác định được khối lượng ma túy nên không đủ cơ sở để xem xét xử lý.

Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của T1, Công an quận T đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính là có căn cứ.

[9] Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Daehan BKS: 43K5-6339, số máy: 0723546, số khung: 0723546 thu giữ của T1. Qua xác minh xe do Lê Văn S (*trú: Số D T, quận T, TP.Đà Nẵng*) đứng tên trong giấy đăng ký xe. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận T đã xác minh tại địa chỉ trên nhưng không có người nào tên Lê Văn S nên cần tiếp tục tạm giữ xe để xác minh làm rõ chủ sở hữu xe mô tô BKS: 43K5-6339 xử lý theo quy định.

[10] Án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1.

1.1. Căn cứ: điểm b khoản 2 Điều 251; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Lê Văn H phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn H **09 (chín) năm** tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28 tháng 6 năm 2023.

1.2. Căn cứ: điểm b khoản 2 Điều 251; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị Sơn N phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Sơn N **08 (tám) năm** tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28 tháng 6 năm 2023.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tuyên:

Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 gói nylon kích thước (2,5 x 2,5)cm chứa tinh thể màu trắng, được bỏ vào bì niêm phong ký hiệu G; 01 gói nylon kích thước (7,5 x 4)cm chứa tinh thể màu trắng, được bỏ vào bì niêm phong ký hiệu G1; 01 gói nylon kích thước (7,5 x 4)cm chứa tinh thể màu trắng, được bỏ vào bì niêm phong ký hiệu G2 (*đã được hoàn trả sau giám định trong 03 phong bì niêm phong*).

+ 01 bao thuốc lá nhãn hiệu Young Star màu trắng bên trong có 10 điếu thuốc được bỏ vào bì niêm phong.

+ 01 bình nhựa có gắn 01 ống hút nhựa và 01 nỏ thủy tinh.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước:

+ 01 tờ tiền mệnh giá 5.000 đồng,

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A7 màu xanh, số IMEI 1: 353465100109113, số IMEI 2: 353466100109111, gắn sim số: 0935464925 và 0867013884 của Lê T1.

+ Số tiền 700.000 đồng thu giữ của Lê T1 theo Biên lai thu tiền số 0000909 ngày 12/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

+ 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 plus màu trắng, số IMEI: 354454064783070, gắn sim số: 0935941409 của Lê Văn H.

(Các vật chứng trên hiện đang lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Khê theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 12 tháng 12 năm 2023).

3. Về án phí: Căn cứ Điều 23 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về việc “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án” của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Các bị cáo Lê Văn H, Nguyễn Thị Sơn N mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

4. Án xử sơ thẩm công khai, các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được trích sao bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các bị cáo; người TGGT
- Viện kiểm sát nhân dân Q. Thanh Khê;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Đà Nẵng;
- Cơ quan điều tra Công an quận Thanh Khê;
- Bộ phận hồ sơ nghiệp vụ Công an Thanh Khê;
- Cơ quan thi hành án hình sự CA Đà Nẵng;
- Nhà tạm giữ Công an quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng;
- Trại tạm giam Công an TP.Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân TP. Đà Nẵng;
- Sở tư pháp TP. Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Kim Ánh